

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũng.

Bà Ngô Thị Thuởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kiều O - Sinh năm: 1986; địa chỉ: 112/70 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N - Sinh năm: 1984; địa chỉ: 112/70 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2020, văn bản trình bày ý kiến, các biên bản phiên họp, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Đặng Thị Kiều O (sau đây gọi tắt là bà O) trình bày:

Vào năm 2014 bà và ông Nguyễn Văn N do mai mối rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Ông bà

có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 29/10/2014. Sau khi cưới bà và ông N sống hạnh phúc được khoảng ba năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau quan điểm sống, thời gian ở nhà ông N chỉ chơi game, không quan tâm đến công việc gia đình và con cái. Bà đã rất nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng ông N không thay đổi. Bên cạnh đó, thời gian gần đây thì ông N còn có biểu hiện rất đáng sợ, dùng lời lẽ hăm dọa sẽ giết chết bà và còn có hành vi đóng cửa nhốt mẹ con bà không cho ra khỏi nhà, bà phải nhờ hàng xóm và chính quyền địa phương can thiệp.

Bà và ông N đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân thì giữa vợ chồng hoàn toàn không có trao đổi gì với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn và tạo điều kiện hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N, bà O không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) người con chung là Nguyễn Đăng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016 (hiện đang sống chung với bà O). Khi ly hôn bà O yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, bà O không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà có công việc, thu nhập và thời gian ổn định nên nhận thấy bản thân có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong văn bản trình bày ý kiến đề ngày 13 tháng 11 năm 2020, các biên bản phiên họp, biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Văn N (sau đây gọi tắt là ông N) trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của bà O về thời gian kết hôn, địa điểm đăng ký kết hôn. Ông và bà O kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 29/10/2014.

Về thời gian chung sống hạnh phúc thì ông N không đồng ý theo lời trình bày của bà O, theo ông N là từ khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6 âm lịch năm 2020, vài tháng gần đây mới xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Ông nhận thấy bản thân có khuyết điểm là thiếu sự quan tâm đến vợ con, ngoài ra thì ông cũng không làm gì có lỗi, hàng ngày ông đều chạy xe hoa lâm, không ăn chơi hoặc có thói hư tật xấu nào làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Ông hoàn toàn không đe dọa, đánh đập vợ con, chỉ có một lần ông muốn vợ và con nghỉ ở nhà một ngày nên khóa cửa nhà lại, sự việc trên có nhờ đến công an xã B,

huyện C giải quyết. Ông N cho rằng mặc dù nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ được với nhau nhưng ông vẫn không đồng ý ly hôn với bà O.

Về con chung: Có 01 (một) người con chung là Nguyễn Đăng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016 (hiện đang sống chung với bà O). Trong trường hợp ly hôn ông N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi người tên Nguyễn Đăng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016, ông N không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Ông N nhận thấy bản thân có đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản: Trong trường hợp ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông N.
- Về con: Giao cho bà Oanh trực tiếp nuôi người con chung là Nguyễn Đăng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016; bà O không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.
- Về tài sản, nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đặng Thị Kiều O có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông Nguyễn Văn N, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà O và ông N đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà O và Nhí là phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy đời sống vợ chồng của bà O, ông N đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân một thời gian nhưng không tạo điều kiện để

hàn gắn được. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông N cũng xác định hiện tại vợ chồng không có khả năng đoàn tụ được với nhau và bản thân ông N cũng không có biện pháp gì nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà O.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà O vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà O về việc ly hôn với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Nguyễn Đăng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016 hiện đang do bà O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, mặc dù bà O và ông N đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng từ sau khi bà O và ông N sống ly thân với nhau thì bà O là người trực tiếp nuôi con, Nguyễn Đăng Gia H hiện vẫn phát triển bình thường và được đi học ổn định. Bà O có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy cần căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao Nguyễn Đăng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016 cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà O không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà O, ông N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Bà O, ông N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ: Bà O, ông N xác định là ông, bà không có nợ của ai; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[7] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Kiều O phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ *Về hôn nhân*: Bà Đặng Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2/ *Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con*:

- Giao cho bà Đặng Thị Kiều O được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Nguyễn Văn N là Nguyễn Đặng Gia H - Sinh ngày: 09/02/2016 (người con này hiện đang sống chung với bà Đặng Thị Kiều O). Bà O không yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Nguyễn Văn N có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

- Vì lợi ích của con chung, bà Đặng Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn N hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Đặng Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn N có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn*: Bà Đặng Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

4/ *Về tài sản*: Bà Đặng Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn N thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ *Về nợ*: Bà Đặng Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn N xác định là ông, bà không có nợ chung; đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

6/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Đặng Thị Kiều O phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001837 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; bà Đặng Thị Kiều O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Đặng Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn N có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bà Đặng Thị Kiều O ^(01 bản);
- Ông Nguyễn Văn N ^(01 bản);
- UBND xã V, huyện P, tỉnh An Giang ^(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách ^(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C ^(01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre ^(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án ^(01 bản), Vp ^(01 bản), Bp ^(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền